

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CHUYÊN KHOA CẤP II NĂM 2025 - HỆ TẬP TRUNG

STT	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Nơi sinh (sau sáp nhập)	Chuyên ngành	Xếp loại tốt nghiệp	Khóa học
1.	Lâm Thị Diễm Châu	Nữ	18/01/1990	Trà Vinh	Vĩnh Long	Chẩn đoán hình ảnh (X quang)	Khá	2023-2025
2.	Trương Nghi	Nam	29/10/1989	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Chẩn đoán hình ảnh (X quang)	Khá	2023-2025
3.	Trần Anh Thư	Nữ	05/10/1984	Lâm Đồng	Lâm Đồng	Chẩn đoán hình ảnh (X quang)	Khá	2023-2025
4.	Bùi Văn Tùng	Nam	15/03/1982	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh (X quang)	Khá	2023-2025
5.	Nguyễn Minh Dương	Nam	21/11/1993	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Chấn thương chỉnh hình	Khá	2023-2025
6.	Phạm Thị Mỹ Hoà	Nữ	28/07/1987	Tây Ninh	Tây Ninh	Chấn thương chỉnh hình	Giỏi	2022-2024
7.	Nguyễn Tiến Lộc	Nam	09/09/1988	Bến Tre	Vĩnh Long	Chấn thương chỉnh hình	Khá	2023-2025
8.	Lê Thị Minh Trang	Nữ	30/10/1986	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Da liễu	Khá	2023-2025
9.	Châu Thị Kim Trang	Nữ	18/07/1978	Bình Thuận	Lâm Đồng	Da liễu	Giỏi	2023-2025
10.	Lê Thị Ngọc Càng	Nữ	09/09/1976	Đồng Tháp	Đồng Tháp	Gây mê hồi sức	Khá	2023-2025
11.	Trương Sáng Kiến	Nam	24/04/1986	Sóc Trăng	TP. Cần Thơ	Gây mê hồi sức	Khá	2023-2025
12.	Cao Phi Loan	Nữ	14/04/1989	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Gây mê hồi sức	Khá	2023-2025
13.	Huỳnh Thị Mai Phương	Nữ	01/10/1990	Khánh Hòa	Khánh Hòa	Gây mê hồi sức	Giỏi	2022-2024
14.	Trần Văn Quang	Nam	10/11/1993	Bình Định	Gia Lai	Gây mê hồi sức	Khá	2023-2025
15.	Hồ Ngọc Thừa	Nam	01/08/1981	Hậu Giang	TP. Cần Thơ	Gây mê hồi sức	Khá	2023-2025
16.	Văn Phước Toàn	Nam	03/05/1991	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Gây mê hồi sức	Khá	2023-2025
17.	Phạm Hữu Truyền	Nam	04/07/1981	Bắc Giang	Bắc Ninh	Gây mê hồi sức	Khá	2023-2025
18.	Phạm Thị Thanh Vân	Nữ	13/10/1988	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Gây mê hồi sức	Khá	2023-2025
19.	Hà Thị Hương Giang	Nữ	19/02/1977	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Hóa sinh y học	Giỏi	2023-2025
20.	Nguyễn Hùng Cường	Nam	14/03/1988	Đắk Lắk	Đắk Lắk	Hồi sức cấp cứu	Khá	2023-2025
21.	Nguyễn Thị Linh Nga	Nữ	10/11/1988	Tiền Giang	Đồng Tháp	Hồi sức cấp cứu	Giỏi	2023-2025
22.	Nguyễn Thị Ánh Nguyên	Nữ	12/12/1980	Đồng Tháp	Đồng Tháp	Hồi sức cấp cứu	Trung bình	2023-2025

STT	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Nơi sinh (sau sáp nhập)	Chuyên ngành	Xếp loại tốt nghiệp	Khóa học
23.	Thạch Cao Nhân	Nam	15/09/1992	Trà Vinh	Vĩnh Long	Hồi sức cấp cứu	Khá	2023-2025
24.	Tôn Thất Quang Thắng	Nam	30/04/1989	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Hồi sức cấp cứu	Khá	2023-2025
25.	Lê Công Thuyên	Nam	19/11/1991	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Hồi sức cấp cứu	Khá	2023-2025
26.	Nguyễn Mạnh Tuấn	Nam	17/05/1986	Lai Châu	Lai Châu	Hồi sức cấp cứu	Giỏi	2023-2025
27.	Nguyễn Hoàng Tùng	Nam	06/04/1989	Hà Nội	TP. Hà Nội	Hồi sức cấp cứu	Khá	2023-2025
28.	Lê Thành Đạt	Nam	18/08/1991	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Lao	Giỏi	2023-2025
29.	Phạm Minh Trí	Nam	27/08/1973	Bến Tre	Vĩnh Long	Lao	Giỏi	2023-2025
30.	Nguyễn Thị Yêm	Nữ	06/01/1984	Hà Nội	TP. Hà Nội	Lao	Khá	2023-2025
31.	Nguyễn Thị Thanh Mai	Nữ	06/11/1977	Hà Nam	Ninh Bình	Lão khoa	Khá	2023-2025
32.	Châu Thị Diễm Thanh	Nữ	11/03/1989	Trà Vinh	Vĩnh Long	Lão khoa	Khá	2023-2025
33.	Tăng Thị Thu	Nữ	30/11/1986	Hải Dương	TP. Hải Phòng	Lão khoa	Khá	2022-2024
34.	Chu Cát Uyên	Nữ	02/03/1991	Đồng Nai	Đồng Nai	Lão khoa	Giỏi	2023-2025
35.	Trần Khánh Vân	Nữ	03/04/1988	Đà Nẵng	TP. Đà Nẵng	Lão khoa	Giỏi	2023-2025
36.	Nguyễn Văn Bình	Nam	15/01/1985	Nghệ An	Nghệ An	Ngoại khoa	Giỏi	2023-2025
37.	Lê Tiến Dũng	Nam	18/04/1985	Lâm Đồng	Lâm Đồng	Ngoại khoa	Khá	2023-2025
38.	Nguyễn Ngọc Đạm	Nam	27/01/1983	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa	Giỏi	2022-2024
39.	Nguyễn Như Nhiều	Nam	22/03/1975	Thái Bình	Hưng Yên	Ngoại khoa	Khá	2023-2025
40.	Thiêm Việt Phúc	Nam	16/01/1989	Bà Rịa - Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa	Giỏi	2023-2025
41.	Ngô Việt Thắng	Nam	10/06/1985	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Ngoại khoa	Giỏi	2023-2025
42.	Phạm Thị Anh Thư	Nữ	20/07/1990	Khánh Hòa	Khánh Hòa	Ngoại khoa	Giỏi	2023-2025
43.	Đỗ Duy Tiền	Nam	20/08/1976	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Ngoại khoa	Giỏi	2023-2025
44.	Trần Thị Mai Trang	Nữ	02/01/1982	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa	Giỏi	2023-2025
45.	Vũ Ngọc Duy	Nam	20/04/1993	Nam Định	Ninh Bình	Ngoại - Lồng ngực	Giỏi	2022-2024
46.	Nguyễn Thành Hưng	Nam	30/12/1992	Tây Ninh	Tây Ninh	Ngoại - Lồng ngực	Giỏi	2023-2025
47.	Phạm Thanh Minh	Nam	25/09/1988	Đắk Lắk	Đắk Lắk	Ngoại - Lồng ngực	Giỏi	2022-2024
48.	Nguyễn Văn Trang	Nam	15/09/1982	Kiên Giang	An Giang	Ngoại - Lồng ngực	Giỏi	2023-2025
49.	Huỳnh Công Chấn	Nam	17/04/1986	Bình Thuận	Lâm Đồng	Ngoại - Nhi	Trung bình	2023-2025

STT	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Nơi sinh (sau sáp nhập)	Chuyên ngành	Xếp loại tốt nghiệp	Khóa học
50.	Lâm Thiên Kim	Nữ	07/01/1986	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Nhi	Trung bình	2023-2025
51.	Trần Đại Phú	Nam	06/01/1987	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Nhi	Khá	2023-2025
52.	Trần Xuân Anh	Nam	07/07/1985	Thừa Thiên Huế	TP. Huế	Ngoại - Thần kinh và sọ não	Giỏi	2023-2025
53.	Trần Trung Kiên	Nam	30/10/1985	Nam Định	Ninh Bình	Ngoại - Thần kinh và sọ não	Giỏi	2023-2025
54.	Đỗ Đạt Thành	Nam	23/05/1987	Quảng Bình	Quảng Trị	Ngoại - Thần kinh và sọ não	Giỏi	2023-2025
55.	Trịnh Thành Tính	Nam	15/03/1989	Bạc Liêu	Cà Mau	Ngoại - Thần kinh và sọ não	Giỏi	2023-2025
56.	Tô Thanh Toàn	Nam	17/01/1991	Tiền Giang	Đồng Tháp	Ngoại - Thần kinh và sọ não	Khá	2023-2025
57.	Phan Minh Trí	Nam	05/09/1982	Cần Thơ	TP. Cần Thơ	Ngoại - Thần kinh và sọ não	Giỏi	2023-2025
58.	Võ Hữu Toàn	Nam	17/01/1980	Quảng Nam	TP. Đà Nẵng	Ngoại - Tiết niệu	Khá	2023-2025
59.	Lưu Quang Việt	Nam	12/12/1988	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Tiết niệu	Giỏi	2023-2025
60.	Nguyễn Thụy Đan	Nữ	23/10/1989	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Nhãn khoa	Giỏi	2023-2025
61.	Nguyễn Trương Tường Duy	Nữ	18/02/1984	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Nhãn khoa	Giỏi	2023-2025
62.	Ngô Minh Đăng Khoa	Nam	16/05/1991	Bình Thuận	Lâm Đồng	Nhãn khoa	Giỏi	2023-2025
63.	Lê Hà Việt Linh	Nữ	10/04/1987	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Nhãn khoa	Giỏi	2023-2025
64.	Trần Thanh Trúc	Nữ	04/08/1982	Bạc Liêu	Cà Mau	Nhãn khoa	Giỏi	2023-2025
65.	Lê Trọng Nghĩa	Nam	05/10/1991	Kiên Giang	An Giang	Nhi - Hô hấp	Giỏi	2023-2025
66.	Phan Thành Vinh	Nam	21/03/1991	Nghệ An	Nghệ An	Nhi - Hô hấp	Giỏi	2023-2025
67.	Dương Thị Minh Diễm	Nữ	16/08/1981	Quảng Trị	Quảng Trị	Nhi - Hô hấp	Khá	2023-2025
68.	Võ Hoàng Phúc	Nam	15/02/1986	Trà Vinh	Vĩnh Long	Nhi - Hô hấp	Khá	2023-2025
69.	Kiều Quốc Thanh	Nam	01/01/1989	Đồng Nai	Đồng Nai	Nhi - Hô hấp	Khá	2023-2025
70.	Trần Thị Ái	Nữ	20/10/1993	Nghệ An	Nghệ An	Nhi: Huyết học - Ung bướu	Xuất Sắc	2023-2025
71.	Nguyễn Thanh Sang	Nam	16/10/1991	Bình Định	Gia Lai	Nhi: Huyết học - Ung bướu	Giỏi	2023-2025
72.	Nguyễn Khôi	Nam	10/06/1977	Gia Lai	Gia Lai	Nhi - Sơ sinh	Khá	2023-2025
73.	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nữ	15/08/1989	Cần Thơ	TP. Cần Thơ	Nhi - Sơ sinh	Khá	2023-2025
74.	Phạm Cao Bảo Ngân	Nữ	15/04/1988	Tiền Giang	Đồng Tháp	Nhi - Sơ sinh	Khá	2023-2025
75.	Phạm Huyền Quỳnh Trang	Nữ	12/11/1990	Đà Nẵng	TP. Đà Nẵng	Nhi - Sơ sinh	Giỏi	2023-2025
76.	Lê Thị Bích Phượng	Nữ	27/06/1986	Đắk Lắk	Đắk Lắk	Nhi - Tiêu hóa	Khá	2023-2025

STT	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Nơi sinh (sau sáp nhập)	Chuyên ngành	Xếp loại tốt nghiệp	Khóa học
77.	Quách Huyền Trang	Nữ	09/10/1985	Cà Mau	Cà Mau	Nhi - Tiêu hóa	Khá	2023-2025
78.	Nguyễn Thị Phương Châu	Nữ	03/02/1988	Long An	Tây Ninh	Nhi - Tim mạch	Khá	2023-2025
79.	Trương Nhật Vi	Nữ	12/05/1986	Gia Lai	Gia Lai	Nhi - Tim mạch	Khá	2023-2025
80.	Nguyễn Văn Hùng	Nam	30/08/1990	Bắc Giang	Bắc Ninh	Nội - Hô hấp	Khá	2023-2025
81.	Nguyễn Thị Tuyết Sang	Nữ	30/06/1977	Bình Phước	Đồng Nai	Nội - Hô hấp	Trung bình	2023-2025
82.	Nguyễn Thị Thanh Tú	Nữ	08/03/1983	Thái Bình	Hưng Yên	Nội - Hô hấp	Khá	2023-2025
83.	Châu Quỳnh Phi Nhã	Nữ	01/01/1986	Long An	Tây Ninh	Nội - Tiêu hóa	Khá	2023-2025
84.	Nguyễn Phước Thanh Sang	Nam	01/11/1986	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Nội - Tiêu hóa	Khá	2023-2025
85.	Nguyễn Thị Mộng Trinh	Nữ	24/10/1991	Trà Vinh	Vĩnh Long	Nội - Tiêu hóa	Giỏi	2023-2025
86.	Đỗ Thị Trường	Nữ	14/06/1991	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Nội - Tiêu hóa	Giỏi	2022-2024
87.	Trần Minh Vũ	Nam	27/05/1984	Sóc Trăng	TP. Cần Thơ	Nội - Tiêu hóa	Trung bình	2022-2024
88.	Nguyễn Tiến Duy	Nam	29/01/1986	Tây Ninh	Tây Ninh	Nội - Tim mạch	Khá	2023-2025
89.	Đỗ Trần Khánh Hà	Nam	18/12/1989	Khánh Hòa	Khánh Hòa	Nội - Tim mạch	Giỏi	2023-2025
90.	Trần Đình Huân	Nam	20/04/1972	Quảng Nam	TP. Đà Nẵng	Nội - Tim mạch	Khá	2023-2025
91.	Dương Khuê Nghi	Nữ	04/12/1987	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Nội - Tim mạch	Giỏi	2023-2025
92.	Hồ Thị Hoàng Uyên	Nữ	15/09/1988	Bà Rịa - Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	Nội - Tim mạch	Trung bình	2022-2024
93.	Nguyễn Phương Chi	Nữ	19/03/1981	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Nội tiết	Khá	2023-2025
94.	Trần Quang Khải	Nam	25/12/1977	Tây Ninh	Tây Ninh	Nội tiết	Khá	2023-2025
95.	Dương Võ Lâm	Nam	05/09/1984	Cần Thơ	TP. Cần Thơ	Nội tiết	Khá	2022-2024
96.	Võ Thị Bảo Ngọc	Nữ	12/10/1990	Kiên Giang	An Giang	Nội tiết	Khá	2023-2025
97.	Phùng Thế Ngọc	Nam	31/03/1989	Quảng Trị	Quảng Trị	Nội tiết	Giỏi	2023-2025
98.	Vũ Kim Phượng	Nữ	25/08/1991	Tuyên Quang	Tuyên Quang	Nội tiết	Khá	2023-2025
99.	Trần Nguyễn Quỳnh Trâm	Nữ	02/07/1982	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Nội tiết	Trung bình	2023-2025
100.	Bùi Kim Yên	Nữ	15/05/1983	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Nội tiết	Trung bình	2022-2024
101.	Đỗ Thị Hồng Ánh	Nữ	19/05/1984	Đồng Tháp	Đồng Tháp	Phục hồi chức năng	Giỏi	2023-2025
102.	Bùi Thị Minh Phượng	Nữ	27/10/1991	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Phục hồi chức năng	Giỏi	2023-2025
103.	Lê Ngọc Anh Thuy	Nữ	24/05/1993	Tiền Giang	Đồng Tháp	Phục hồi chức năng	Giỏi	2023-2025
104.	Đào Thị Bích Hằng	Nữ	03/05/1986	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý Y tế	Giỏi	2023-2025

STT	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Nơi sinh (sau sáp nhập)	Chuyên ngành	Xếp loại tốt nghiệp	Khóa học
105.	Nguyễn Thành Tuấn	Nam	18/05/1987	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý Y tế	Giỏi	2023-2025
106.	Đỗ Ngọc Anh	Nữ	01/12/1984	Đồng Nai	Đồng Nai	Răng Hàm Mặt	Giỏi	2023-2025
107.	Nguyễn Thị Thanh Hà	Nữ	17/12/1984	Đồng Nai	Đồng Nai	Răng Hàm Mặt	Giỏi	2023-2025
108.	Hoàng Thị Thúy Nga	Nữ	10/03/1987	Hải Dương	TP. Hải Phòng	Răng Hàm Mặt	Giỏi	2022-2024
109.	Hồ Văn Phụng	Nữ	14/11/1984	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Răng Hàm Mặt	Giỏi	2023-2025
110.	Lê Thị Thu Trang	Nữ	01/06/1982	Kiên Giang	An Giang	Răng Hàm Mặt	Giỏi	2023-2025
111.	Nguyễn Minh Trí	Nam	19/09/1990	Đồng Nai	Đồng Nai	Răng Hàm Mặt	Giỏi	2023-2025
112.	Trần Thu Trung	Nam	24/09/1983	Thừa Thiên Huế	TP. Huế	Răng Hàm Mặt	Giỏi	2022-2024
113.	Nguyễn Thu Vân	Nữ	08/03/1991	Tây Ninh	Tây Ninh	Răng Hàm Mặt	Giỏi	2023-2025
114.	Nguyễn Thị Hiền Vi	Nữ	19/09/1987	Lâm Đồng	Lâm Đồng	Răng Hàm Mặt	Giỏi	2023-2025
115.	Nguyễn Hoàng Yến	Nữ	27/05/1986	Tiền Giang	Đồng Tháp	Răng Hàm Mặt	Giỏi	2023-2025
116.	Hoàng Tuấn Anh	Nam	29/11/1986	Đồng Nai	Đồng Nai	Sản phụ khoa	Khá	2022-2024
117.	Đỗ Trung Hiếu	Nam	14/03/1985	Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	Sản phụ khoa	Khá	2023-2025
118.	Vũ Hương Huyền	Nữ	26/07/1988	Hải Phòng	TP. Hải Phòng	Sản phụ khoa	Khá	2023-2025
119.	Trần Thị Thu Huyền	Nữ	21/02/1983	Đắk Lắk	Đắk Lắk	Sản phụ khoa	Khá	2023-2025
120.	Lê Phạm Phương Khanh	Nữ	08/04/1987	Cần Thơ	TP. Cần Thơ	Sản phụ khoa	Khá	2023-2025
121.	Nguyễn Huỳnh Trúc Mỹ	Nữ	28/10/1985	Bạc Liêu	Cà Mau	Sản phụ khoa	Khá	2023-2025
122.	Lê Hoàng Nhựt	Nam	04/04/1988	Quảng Nam	TP. Đà Nẵng	Sản phụ khoa	Khá	2022-2024
123.	Nguyễn Lan Phương	Nữ	10/11/1983	Nam Định	Ninh Bình	Sản phụ khoa	Khá	2023-2025
124.	Huỳnh Thụy Thảo Quyên	Nữ	20/02/1983	Long An	Tây Ninh	Sản phụ khoa	Khá	2023-2025
125.	Cao Thị Mỹ Thê	Nữ	30/01/1980	Hậu Giang	TP. Cần Thơ	Sản phụ khoa	Khá	2023-2025
126.	Trần Đình Thùy	Nam	28/03/1986	Nghệ An	Nghệ An	Sản phụ khoa	Khá	2023-2025
127.	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nữ	05/08/1988	An Giang	An Giang	Sản phụ khoa	Khá	2023-2025
128.	Lê Thị Kiều Trang	Nữ	09/12/1990	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Sản phụ khoa	Khá	2023-2025
129.	Nguyễn Thị Hoàng Vân	Nữ	04/04/1990	Quảng Nam	TP. Đà Nẵng	Sản phụ khoa	Khá	2023-2025
130.	Đỗ Hồng Ân	Nam	13/10/1985	Đồng Nai	Đồng Nai	Tai Mũi Họng (Mũi họng)	Khá	2023-2025

STT	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Nơi sinh (sau sáp nhập)	Chuyên ngành	Xếp loại tốt nghiệp	Khóa học
131.	Phạm Thái Duy	Nam	29/09/1991	Vĩnh Long	Vĩnh Long	Tai Mũi Họng (Mũi họng)	Giỏi	2023-2025
132.	Trần Trung Hiếu	Nam	19/10/1988	Hà Nội	TP. Hà Nội	Tai Mũi Họng (Mũi họng)	Khá	2023-2025
133.	Võ Ngọc Hoàn	Nam	29/08/1970	Long An	Tây Ninh	Tai Mũi Họng (Mũi họng)	Giỏi	2023-2025
134.	Dương Minh Hoàng	Nam	05/06/1990	Kiên Giang	An Giang	Tai Mũi Họng (Mũi họng)	Giỏi	2023-2025
135.	Lê Quang Hưng	Nam	09/02/1975	Bình Định	Gia Lai	Tai Mũi Họng (Mũi họng)	Giỏi	2023-2025
136.	Trần Kiên Khánh Hương	Nữ	09/10/1982	Khánh Hòa	Khánh Hòa	Tai Mũi Họng (Mũi họng)	Khá	2023-2025
137.	Đinh Thị Quỳnh Mai	Nữ	13/01/1985	Bà Rịa - Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	Tai Mũi Họng (Mũi họng)	Giỏi	2023-2025
138.	Lê Thị Lê Na	Nữ	30/10/1988	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Tai Mũi Họng (Mũi họng)	Giỏi	2023-2025
139.	Trương Thị Nhân	Nữ	20/09/1985	Bà Rịa - Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	Tai Mũi Họng (Mũi họng)	Khá	2023-2025
140.	Trần Thị Hà Phương	Nữ	11/05/1986	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Tai Mũi Họng (Mũi họng)	Giỏi	2023-2025
141.	Trần Hà Việt Thắng	Nam	01/07/1989	Trà Vinh	Vĩnh Long	Tai Mũi Họng (Mũi họng)	Khá	2023-2025
142.	Sơn Thị Mỹ Tú	Nữ	20/05/1985	Vĩnh Long	Vĩnh Long	Tai Mũi Họng (Mũi họng)	Khá	2023-2025
143.	Phan Thảo Định	Nữ	06/10/1990	Kiên Giang	An Giang	Tai Mũi Họng (Thính học)	Giỏi	2023-2025
144.	Phạm Thị Huỳnh Hoa	Nữ	02/01/1979	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Tâm thần	Giỏi	2023-2025
145.	Nguyễn Thế Hùng	Nam	02/01/1983	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Tâm thần	Giỏi	2023-2025
146.	Nguyễn Hữu Sơn	Nam	28/06/1977	Hà Nam	Ninh Bình	Tâm thần	Khá	2023-2025
147.	Phạm Gia An	Nam	05/04/1991	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Thần kinh	Khá	2023-2025
148.	Trương Thị Hiếu	Nữ	10/09/1985	Lâm Đồng	Lâm Đồng	Thần kinh	Khá	2023-2025
149.	Nguyễn Thị Xuân Lan	Nữ	24/06/1988	Đồng Nai	Đồng Nai	Thần kinh	Khá	2023-2025
150.	Lê Thị Thúy Uyên	Nữ	16/03/1980	An Giang	An Giang	Thần kinh	Khá	2023-2025
151.	Nguyễn Thị Mỹ Bình	Nữ	18/11/1980	Bình Thuận	Lâm Đồng	Tổ chức quản lý dược	Giỏi	2023-2025
152.	Vũ Thị Ngọc Diễm	Nữ	15/06/1986	Lâm Đồng	Lâm Đồng	Tổ chức quản lý dược	Xuất Sắc	2023-2025
153.	Trần Mỹ Hạnh	Nữ	19/04/1977	Trà Vinh	Vĩnh Long	Tổ chức quản lý dược	Xuất Sắc	2023-2025
154.	Nguyễn Minh Hiệu	Nam	28/10/1988	Thái Bình	Hung Yên	Tổ chức quản lý dược	Giỏi	2023-2025
155.	Hà Mỹ Lý	Nữ	25/12/1978	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Tổ chức quản lý dược	Giỏi	2023-2025
156.	Trần Hữu Quảng	Nam	05/08/1991	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Tổ chức quản lý dược	Giỏi	2023-2025
157.	Trần Ngọc Sơn	Nam	02/06/1964	Campuchia	Campuchia	Tổ chức quản lý dược	Khá	2023-2025
158.	Trần Anh Tài	Nam	09/08/1984	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Tổ chức quản lý dược	Giỏi	2023-2025

STT	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Nơi sinh (sau sáp nhập)	Chuyên ngành	Xếp loại tốt nghiệp	Khóa học
159.	Huỳnh Minh Thanh	Nam	02/10/1988	Đồng Nai	Đồng Nai	Tổ chức quản lý dược	Giỏi	2023-2025
160.	Tăng Thị Bảo Trân	Nữ	04/05/1986	Lâm Đồng	Lâm Đồng	Tổ chức quản lý dược	Giỏi	2023-2025
161.	Phạm Vũ Quang Vinh	Nam	23/07/1981	Đồng Nai	Đồng Nai	Tổ chức quản lý dược	Giỏi	2023-2025
162.	Phạm Đình Duy	Nam	03/04/1989	Tây Ninh	Tây Ninh	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Khá	2023-2025
163.	Đình Thị Kiều Lam	Nữ	15/03/1983	Đồng Tháp	Đồng Tháp	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Khá	2023-2025
164.	Hồ Thị Thu Thảo	Nữ	05/10/1989	An Giang	An Giang	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Khá	2023-2025
165.	Nguyễn Thị Kim Bạch	Nữ	17/01/1985	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Ung thư	Trung bình	2023-2025
166.	Phạm Hoàng Dương	Nam	02/05/1991	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Ung thư	Khá	2022-2024
167.	Phan Thế Nhật	Nam	10/10/1987	Đồng Nai	Đồng Nai	Ung thư	Khá	2023-2025
168.	Lê Bá Phước	Nam	16/10/1985	Long An	Tây Ninh	Ung thư	Khá	2022-2024
169.	Phan Đỗ Phương Thảo	Nữ	16/11/1984	Vĩnh Long	Vĩnh Long	Ung thư	Giỏi	2023-2025
170.	Võ Nhật Linh	Nam	10/05/1988	Tiền Giang	Đồng Tháp	Y học cổ truyền	Khá	2023-2025
171.	Võ Văn Long	Nam	14/03/1976	Bình Định	Gia Lai	Y học cổ truyền	Khá	2023-2025
172.	Nguyễn Kỳ Xuân Nhị	Nam	27/09/1989	Cà Mau	Cà Mau	Y học cổ truyền	Khá	2023-2025
173.	Trần Vũ	Nam	23/06/1981	Trà Vinh	Vĩnh Long	Y học cổ truyền	Khá	2023-2025

Ấn định danh sách công nhận tốt nghiệp chuyên khoa cấp II hệ tập trung năm 2025 có 173 (Một trăm bảy mươi ba) học viên thuộc 40 chuyên ngành./.